

Số: 2433 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 21 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 và Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 06/6/2008 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Khoái Châu;

Căn cứ Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên Về việc phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn đầu tư của dự án xây dựng Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Khoái Châu.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 278/TTr-STC ngày 02/8/2017 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành**

1. Tên dự án (BCKTKT): Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Khoái Châu.
2. Tên công trình (HMCT): Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Khoái Châu.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Khoái Châu.
4. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
5. Thực hiện: Năm 2006; hoàn thành: 2011.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>Nguồn vốn</b>	<b>TMĐT được duyệt</b>	<b>Thực hiện</b>
<b>Tổng số:</b>	<b>6.370.000.000</b>	<b>5.322.164.000</b>
Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 75%, ngân sách huyện 25%.	6.370.000.000	5.322.164.000

2. Chi phí đầu tư (có phụ lục kèm theo):

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
<b>Tổng số:</b>	<b>6.370.000.000</b>	<b>5.322.164.000</b>
- Chi phí xây dựng:	4.900.628.314	4.814.107.000
- Chi phí QLDA:	88.477.464	87.565.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD	301.152.015	289.723.000
- Chi phí khác	48.659.253	54.000.000
- Chi phí đánh giá tác động môi trường	76.769.000	76.769.000
- Chi phí GPMB, dự phòng	954.313.954	

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Công trình (HMCT) thuộc chủ đầu tư quản lý	Công trình (HMCT) giao đơn vị khác quản lý
<b>Tổng số</b>	<b>5.322.164.000</b>	
Tài sản cố định:	5.322.164.000	

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư xây dựng công trình:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>5.322.164.000</b>	
Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 75%, Ngân sách huyện 25%	5.322.164.000	

- Tổng hợp các khoản công nợ tính đến ngày 31/5/2017 là:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng vốn được thanh toán:	5.322.164.000
2	Tổng vốn đã thanh toán:	5.129.783.000
	<i>Ngân sách tỉnh</i>	<i>3.589.783.000</i>

STT	Nội dung	Số tiền
	<i>Ngân sách huyện</i>	1.540.000.000
3	Tổng nợ phải thu:	0
4	Tổng nợ phải trả:	192.381.000

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

- Giá trị đầu tư công trình được phê duyệt quyết toán làm căn cứ để chủ đầu tư và đơn vị nhận bàn giao sử dụng ghi sổ và hạch toán theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành.

- Giá trị tài sản được phê duyệt làm căn cứ để chủ đầu tư thanh toán các khoản công nợ của công trình hoàn thành theo quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Khoái Châu và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *h*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1<sup>Q</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Đặng Ngọc Quỳnh**

## PHỤ LỤC CHI PHÍ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh)

Dự án: Xây dựng Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Khoái Châu

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị A-B đề nghị quyết toán	Kết quả thẩm tra
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>6.370.000.000</b>	<b>5.282.464.000</b>	<b>5.322.164.000</b>
<b>I</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>4.900.628.314</b>	<b>4.814.107.000</b>	<b>4.814.107.000</b>
1	Xây dựng Bãi chôn lấp chất thải rắn	3.821.960.314	3.735.439.000	3.735.439.000
2	Mua sắm và lắp đặt thiết bị	1.078.668.000	1.078.668.000	1.078.668.000
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án:</b>	<b>88.477.464</b>	<b>87.565.000</b>	<b>87.565.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:</b>	<b>301.152.015</b>	<b>289.723.000</b>	<b>289.723.000</b>
1	Chi phí khảo sát, KSDC, lập BCKTKT	186.614.015	184.261.000	184.261.000
2	Chi phí thẩm tra thiết kế - dự toán	13.362.000	13.362.000	13.362.000
3	Chi phí lập HSMT, đánh giá HS dự thầu (2 hạng mục)	13.407.000	13.200.000	13.200.000
4	Chi phí giám sát thi công	87.769.000	78.900.000	78.900.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác:</b>	<b>48.659.253</b>	<b>14.300.000</b>	<b>54.000.000</b>
1	Lệ phí thẩm định thiết kế BVTC	1.000.000		
2	Chi phí Bảo hiểm (2 hạng mục)	11.015.253		
3	Chi phí Kiểm toán	22.344.000		
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	14.300.000	14.300.000	54.000.000
<b>V</b>	<b>Chi phí đánh giá tác động môi trường</b>	<b>76.769.000</b>	<b>76.769.000</b>	<b>76.769.000</b>
<b>VI</b>	<b>Chi phí giải phóng mặt bằng</b>	<b>954.313.954</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VII</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>			